

I.- Ca trù là gì?

Ca trù là một bộ môn văn nghệ mà ngày xưa các cụ nhà nho, các tao nhân mặc khách rất ưa thích. Sở dĩ gọi là ca trù vì, vào thời đó, mỗi khi có tế lễ ở các đình làng, người ta thường tìm ca nho tới hát thờ thành hoàng, và khi hát, các chức dịch trong làng chỉ dùng thẻ để thưởng cho đào, kép đàn ngọt hát hay. Như vậy ca là hát, còn trù là những thẻ tre ghi chữ đánh số để thưởng thay cho tiền mặt. Tan buổi hát, đào kép cứ đem số thẻ đã nhận được ra lĩnh tiền thưởng. Do đó, ca trù còn gọi là *hát thẻ* hay *hát ả đào*, *hát cô đầu*, *hát nhà ta*, *hát nhà trò*, vv...

Hát ả đào (gọi tránh ra là hát cô đầu) phải có đào hát, kép đàn cùng nhạc khí như: phách, đàn đáy, trống con. Đào hát là do ở tích xưa, tại làng Đặng Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên có nhiều người hát hay nổi tiếng, trong đó có cô Đào Thị Huệ là xinh đẹp và hát hay hơn cả. Khi giặc nhà Minh kéo về, chúng đã lùng bắt cô Đào Thị Huệ và các thiếu nữ khác tới hát cho chúng nghe, mặc dầu chúng chẳng hiểu gì cả, đúng với thành ngữ “Chuá Tàu nghe kèn!” Nhân cơ hội này, Đào Thị Huệ và các bạn đã dùng giọng hát hay và nhan sắc đẹp mà mê hoặc bọn quan quân nhà Minh rồi ngầm lừa cho chúng uống rượu say, để bí mật mỗi đêm khiêng một vài tên ra ném xuống sông cho mất xác... Sau này, khi cuộc kháng Minh đã thành công, dân làng Đặng Xá nhớ đến công ơn của Đào Thị Huệ nên đổi tên thôn, nơi nàng ở, thành ra thôn ả Đào và lập đền thờ ngay tại đó, cho tới bây giờ vẫn còn khói hương nghi ngút. Vì thế, trước đây, người ta gọi luôn hát ca trù là hát ả Đào hay hát cô đầu mà

Nghệ Thuật Ca Trù

(TRÍCH BÁO TUỔI THỌ)



không thắc mắc gì nữa!

II.- Ca trù có bao nhiêu lối hát?

Ca trù có tối 40 lối hát khác nhau: như Bắc phản, Mưỡu, Hát nói, Gửi thư, Kể chuyện, Hâm, Tì bà, Xẩm, Dâng hương, Giáo trống, Thét nhạc, Hát ru, vv...

Tuy nhiên, chỉ có Hát nói là lối hát thông dụng và có văn chương lý thú nhất. Vì vậy, các bậc danh sĩ của nước ta như các cụ Nguyễn Công Trứ, Tam Nguyên Yên Đổ, Dương Khuê, Cao Bá Quát, Tú Xương, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà, vv... đã soạn ra rất nhiều bài Hát nói mà nhiều bài có thể coi là những áng văn nôm kiệt tác trong kho tàng văn học cổ điển của nước ta. Trước đây, trong chương trình trung học và đại học ở VN đã nhiều lần chúng ta được nghe các giáo sư văn chương bình

giảng và quảng diễn những bài Hát nói quen thuộc của các cụ kể trên.

III.- Ca trù thường được diễn ra ở đâu?

Ca trù thường được diễn ở nhiều nơi, như:

- *Thu nhát*, tại *cung đình nhà vua*. Về đời Nguyễn, các quan kinh lược thường tuyển những danh ca ở Bắc hà rồi đưa vào Huế để hát mừng chúc thọ nhà vua và hoàng tộc.

- *Thu nhì*, tại *các làng xã ở miền Bắc* mỗi khi vào đám mờ hội tế thần, thì các vị kỳ mục lại cho đi tìm các đào hát tới đình làng để hát, trước thờ thần, sau cho dân chúng trong làng cùng nghe. Vì là hát thờ nên phải rất trang nghiêm và chỉ dùng các lối Dâng hương, Giáo trống, Thét nhạc, vv... chứ không được dùng các lối hát huê tình.

- *Thu ba*, tại *các tư gia trong các dịp vui mừng* như:

khao vọng, thượng thọ, hôn lễ, vv... người ta thường tìm các cô đầu tới để hát mừng. Những bài hát trong dịp này thường do chính chủ nhà hoặc bằng hữu mới làm ra để cho cô đầu hát, kép đánh đàn và mọi người cùng thưởng thức lời văn, giọng hát, tiếng đàn. Đây thật là một thú vui thanh nhã của lớp người nho học.

- *Thứ tư*, tại các nhà hát có đầu hay xóm bình khang, là chốn mua vui cho mấy lớp người dư thừa tiền bạc. Họ tới đây không phải là để nghe hát, mà thực ra để hưởng lạc, tìm thú đi mây về gió với nàng tiên nâu và các đào rượu phấn son loè loẹt.

Thực ra đã có mấy *quan viên* (tên chỉ các khách đi hát) biết đánh trống, cầm chầu, thưởng thức các câu văn cùng giọng hát và tiếng đàn! Nếu *đào rượu* chỉ biết rót rượu hoặc pha trà, buông màn, trải chiếu để tiếp khách làng chơi, thì *đào hát* lại không bao giờ chịu ở lại nhà hát để tiếp khách lâu đêm. Đa số các đào hát đều đã có chồng con, gia đình tử tế. Họ thường là con các cụ đồ, cụ tú, lại thông hiểu thơ văn, nhưng vì hoàn cảnh gia đình sa sút nên mới làm nghề đào hát kiếm ăn. Nhiều người hay chữ, có thể sáng tác được những câu hát hoặc xướng họa thơ văn với các quan viên. Đó là trường hợp của thân mẫu thi sĩ Tản Đà, tuy lạc bước vào xóm bình khang mà vì thơ hay, chữ tốt nên đã được cụ tri phủ Lý Nhân (Hà Nam) Nguyễn Danh Kế nhận làm tri kỷ.

IV.- Diễn tiến một buổi hát ca trù

Ở tư gia hoặc tại xóm bình khang, hai ba quan viên thường ngồi trên sập gỗ kê ở giữa nhà, một người cầm chầu, trống con để ở trước mặt. Đối diện với người cầm chầu là đào hát và kép đàn, ngồi ngay ngắn trên chiếc chiếu hoa cạp vải tây điều trải giữa sàn nhà... Quan viên cầm roi chầu, đánh vào mặt trống con mấy tiếng "tom" để mở đầu buổi hát. Rồi khi đào nương hát, kép gảy đàn, thì người cầm chầu lại đánh trống hoặc gõ vào tang trống thành những tiếng "chát" để chấm câu văn, điểm nhịp phách, hoặc khen thưởng khi thấy đàn ngọt hát hay.

Đào nương tay phải cầm hai phách dẹt, tay trái cầm một phách tròn, rồi trước khi hát, cũng như sau

khi dứt tiếng hát, vẫn luôn luôn gõ phách để giữ nhịp cho đúng với tiếng đàn đáy, khi mau, khi thưa. Nhờ có học thức, hiểu biết chữ Hán và thơ phú, nên đào nương đã phát âm đúng giọng, hát không nhầm, khi cần, còn "luyến láy" từng câu, từng chữ để được nổi tiếng là danh ca. Kép đàn thường là chồng của đào hát, chuyên sử dụng cây đàn đáy có ba dây to, to nhỏ khác nhau. Thùng đàn đáy hình vuông hoặc chữ nhật, mặt sau khoét rỗng, có cần dài và ba trực nhỏ để lên dây và tạo ra âm thanh trầm đục. Kép đàn ung dung gảy đàn, sao cho quyện lấy giọng ca và nhịp phách của đào nương. Nhiều khi đào chỉ cần nghe tiếng đàn mà có thể nhớ lại lời ca rồi tiếp tục hát mà không vấp váp. Như vậy là kép đã "kiệu" cho đào, và sự liên hệ giữa lời ca, nhịp phách, tiếng đàn thật là mật thiết, chặt chẽ.

V.- Một bài Hát nói

Một bài hát nói thường được chia làm ba đoạn, tức là ba khổ, gồm:

- *khổ đầu* có 4 câu
- *khổ giữa* có 4 câu
- *khổ xếp* có 3 câu

cộng tất cả thành 11 câu, tức là *bài hát đủ khổ*. Ngoài ra lại biến thể thành *bài hát đôi khổ*, có hơn ba khổ, hoặc *bài hát thiếu khổ*, chỉ có 7 câu mà thôi.

Bài Hát nói thường có thêm mấy câu lục bát đi kèm ở trên gọi là *mười đầu*, hoặc mấy câu lục bát ở dưới bài hát hoặc trên câu thứ 11, nên gọi là *mười hậu*. Câu cuối cùng của một bài Hát nói bao giờ cũng có 6 tiếng.

VI.- Những bài Hát nói quen thuộc

Để chứng minh cho những *bài hát đủ khổ*, *đôi khổ* hay *thiếu khổ*, xin trích lại những bài Hát nói quen thuộc mà chúng ta đã từng được nghe qua.

Trước hết phải nói rằng Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ là người có biệt tài về văn nôm. Cụ làm đủ các thể văn thơ, nhưng sở trường nhất là lối Hát nói. Cụ là người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, tư chất thông minh, tính tình hào phóng, thờ ba triều vua (Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự

Đức), làm quan lúc thăng, lúc giáng mà bao giờ cũng vui vẻ, hăng hái, tận tụy làm việc cho dân, cho nước. Để tỏ chí khí kiên cường của mình, cụ Nguyễn Công Trứ đã viết bài hát nói dối khổ “Chí Làm Trai” như sau:

CHÍ LÀM TRAI

Võng trời đất dọc ngang, ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả, trả vay
Chí làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây
Cho phi sức vất vùng trong bốn bề.

Nhân sinh tự cổ thuỷ vô tử
Lưu thủ đan tâm chiểu hân thanh
Đã hân rằng ai nhục, ai vinh
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ?
Cũng có lúc mưa đòn sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lài với cuồng phong
Chí những toan xé núi, lấp sông
Làm nên đứng anh hùng đâu đấy tớ
Đường mây rộng thênh thênh cù bộ
Nợ tang bồng trang tráng vỗ tay reo
Thánh thời thơ túi, rú qu bầu.

Vì cụ đã quan niệm rằng người ta sống ở đời, từ xưa tới nay, ai mà không chết? Nếu có khác nhau là ở chỗ vẫn giữ được tấm lòng son mà lưu lại làm sáng chói sủ xanh.

Dù đã rắp vui diền viên nhưng lại trót đem thân thế hẹn tang bồng nên cụ phải lập công danh để đem tài kinh bang tế thế ra giúp đời. Sau đây là bài Hát nói dối khổ “Công Danh” của cụ Hi Văn Nguyễn Công Trứ:

CÔNG DANH

Tang bồng hò thi nam nhi trai
Cái công danh là cái nợ nần
Nặng nề thay đôi chữ quân thần
Đạo vi tú, vì thần đâu có nhẹ!

Cũng rắp diền viên vui thú vị
Trót đem thân thế hẹn tang bồng
Xếp bút nghiên đeo việc kiêm cung
Hết hai chữ “trung, trinh” báo quốc.
Một mình đã vì dân vì nước,
Túi kinh luân từ trước để nghìn sau,
Hơn nhau một tiếng công hồn!

Trong khi cụ Nguyễn Công Trứ quyết dấn thân vì đại nghĩa, lập công danh cho phi chí làm trai để phụng sự quốc gia dân tộc, thì cụ Tam Nguyên Yên Đổ, với lời thơ đôn hậu, chứa chan tình cảm, đã để lại cho hậu thế những áng thơ nôm tuyệt vời.

Cụ Nguyễn Khuyến quê làng Yên Đổ, lại đỗ đầu trong ba kỳ thi Hương, thi Hội và thi Đình, nên ta quen gọi là cụ Tam Nguyên Yên Đổ. Gặp buổi giao thời, lại không muốn cộng tác với Pháp, nên khi được cử làm quyền tổng đốc Sơn Tây, cụ đã xin từ quan về làng làm ruộng. Nhân thấy ông bạn thân là thày đồ Cụ Lộc, dù thi đỗ cử nhân mà cũng không chịu ra làm quan, vẫn sống một cuộc đời bình dị giữa đám dân nghèo, nên cụ đã làm một bài Hát nói hài hước có mưu đầu và đủ khổ như sau:

THẦY ĐỒ CỤ LỘC

Mưu

Văn hay, chữ tốt ra tuồng
Văn dai như chão, chữ vuông như hòm
Vé thày như vé con tôm
Vé tay ngoáy cám, vé mồm húp tương...

Hát nói

Vé lịch sự ai bằng thày Cụ Lộc
Vé cõi đầu nói móc có vài câu:
Anh chẳng sang mà cũng chẳng giàu
Hầu bao ních, rận bầu quanh chiếu
Khăn nhuộm lờ đờ màu nước điếu
Nón son không méo cũng không tròn
Quần vải thô, ngại giặt ngại màu son
Giày cóc gặm, nhặt dây đòn khâu láy.
Phong lưu ấy mà tính tình cũng ấy
Đến cõi đầu cũng thấy, là loi bông
Xinh thay diện mạo anh hùng!

Rồi khi bị buộc đi làm gia sư cho kinh lược sứ họ Hoàng (một hình thức quản chế sau vụ từ quan), cụ đã có mặt trong buổi tiệc họ có đầy đủ các quan lại ăn mặc sang trọng đến chúc thọ họ Hoàng, mà cụ chỉ mặc áo vải, khăn thảm, ngồi im lặng ở một góc, không nói năng trò chuyện với ai. Nhiều thực khách đã thì thầm, chỉ trỏ hỏi nhau: “Ai mà ngồi như phỗng đá vậy?” Do đó, về nhà, cụ đã viết bài Hát nói dối khổ

“Ông Phỗng Đá” như sau:

ÔNG PHỖNG ĐÁ

Mướu

Người đâu tên họ là gì?
Khéo thay chích chích, chi chi nực cười.
Dang tay ngừa mặt lên trời
Hay còn lo tính sự đời chi đây?

Hát nói

Thấy phỗng đá lạ lùng muôn hỏi
Cớ làm sao len lỏi đến chi đây?
Hay tưởng trong cây cỏ, nước non này
Chí cũng rắp dan tay vào hội lạc?
Thanh sơn tự tiếu đâu tương hạc
Thương hải thùy tri ngã diệc áu!
Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu
Túi vú trụ, mặc đàn sau gánh vác
Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác.
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu
Nên chẳng, đá cũng gật đâu!

Cụ cho rằng: Ta vẫn tự cười ta đâu đã bạc phơ
như đầu chim hạc trong chốn núi xanh và ai có hay
đâu rằng ta cũng như con chim hải âu đang thong thả
đi lại trên bãi biển xanh kia.

Trái với vẻ ung dung tự tại của cụ Yên Đổ, nhà
thơ ở non Côi sông Vị, ông Tú Xương, lại rất mỉa mai
chưa chát. Vì tính tình hào hoa, phóng khoáng, không
chiều gò bó vào một khuôn mẫu nào, nên ông Trần Tế
Xương (sau đổi Trần Kế Xương) đi thi bao lần đều bị
đánh hỏng vì phạm trường qui. Mãi tới năm Giáp Ngọ
(1894), ông mới đỗ tú tài và sống trong cảnh thanh
bần nên ông rất bất mãn với thời thế! Nhân dịp té
đến, ông đã viết bài Hát nói đủ khổ:

TẾT DÁN CÂU ĐỐI

Nhập thế cục bất khả vô văn tự
Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài
Huống chi mình đã đố tú tài
Ngày té đến, cũng phải một vài câu đối.
Đối rằng:

Cực nhân gian chi phẩm giá, phong
nguyệt tình hoài
Tôi thế thương chi phong lưu, giang

hồ khí cốt

Viết vào giấy, dán ngay lên cột
Hỏi mẹ mày, rằng đố hay hay?
Rằng hay thì thật là hay
Chẳng hay sao lại đố ngay tú tài
Xưa nay em vẫn chịu ngài.

Với hai câu thơ rút trong sách cũ, Tú Xương đã
nêu rõ chí hướng của ông là: cái phẩm giá tột cùng ở
trong thiên hạ chính là cái tình đối với trăng và gió.

Cũng như cái phong lưu bậc nhất ở trên đời là tính
khí giang hồ (tự do, phóng khoáng, không bị cái gì
ràng buộc). Rồi nhân thấy một người làm nghề tảo lợn
thuê ở chợ Vị Hoàng tên là Mán lúc nào cũng phong
lưu, chẳng phải phiền lụy đến ai, Tú Xương đã viết
bài Hát nói trào phúng như sau:

AI BẰNG ANH MÁN?

Kẻ suốt thế, đố ai bằng anh Mán?
Trải mùi đời, khôn chán, giả lâm ngày
Hổ sinh ra lúc thời này
An thân, mệnh thế, giấu tay anh hùng.
Không danh cho dễ vãy vùng
Mình không phú quý, mắt không vương hầu
Khi để chỏm, lúc cao đầu
Nghêu ngao câu hát nửa Tàu nửa Ta
Không đội nón, chịu màu da dài nắng
Chẳng nhuộn rắng, để trăng đẽ cười đời
Chốn quyền mòn, luồn cúi mặc ai
Ngoài cương tỏa, thảnh thoát ai đã biết?
Chỉ ấm ớ giả cảm giả điếc
Cứ vui tràn, khi hát, khi ngâm
Trên đời mấy mặt tri âm?

Cũng như các nhà nho khác cùng thời, cụ Văn
Đình Dương Khuê có lối sống phong lưu, phóng
khoáng, lấy thơ rượu xuống ca, trăng trong gió mát
làm thú tiêu dao. Cụ rất nổi tiếng về ngón đánh trống
chầu và rất sành nghề Hát nói. Do đó, cụ đã để lại
nhiều bài Hát nói rất đặc sắc, điển hình nhất là bài
“Gặp Cô Đào Cũ”, mà các đào hát vẫn đem ra trình
diễn như sau:

GẶP CÔ ĐÀO CŨ

Mướu

Nước: nước biếc, non: non xanh
Sớm tình: tình sớm, trưa tình: tình trưa
Nhớ ai tháng đợi năm chờ
Nhớ người độ ấy, bây giờ là đây!

Hát nói

Hồng Hồng, Tuyết Tuyết!
Mỗi ngày nào chưa biết cái chi chi.
Mười lăm năm thoát có xa gì?
Ngoảnh mặt lại, đã đến kỳ tơ liếu...
 Ngã lăng du thời, quân thương thiếu
 Quân kim hứa giá, ngã thành ông
Cười cười nói noi thận thùng
Mà bạch phát với hồng nhan chàng ái ngai.
Riêng một thú Thanh Sơn đi lại
Khéo ngày ngày, dại dại với tình...
Đàn ai một tiếng đương tranh!

Một vị tiền sĩ tài ba khác là Trúc Văn Chu Mạnh Trinh, ngoài những bài thơ vịnh Kiều nổi tiếng cũng như bài viết tựa truyện Kiều (của thi hào Nguyễn Du), đã sáng tác nhiều bài Hát nói, mà được truyền tụng nhiều nhất là bài:

HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH CA

Bầu trời, cảnh bụi
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay!
Kia non non, nước nước, mây mây
Đẹ nhất động hỏi rằng đây có phải?
Thỏ thè rồng mai chim cúng trái
Lững lờ khe yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kình
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng
Này suối Giải Oan, này chùa Cửu Võng
Này am Phật Tích, này động Tuyết Quynh
Nhác trông lên ai khéo vẽ nên hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thẩm thẩm một hang lồng bóng nguyệt
Gặp ghềnh mẩy lối uốn thang mẩy
Chừng giang sơn còn đợi ai đây
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt?
Lần tràng hạt niệm: Nam mô Phật
Cửa từ bi công đức xiết bao!
Càng trông phong cảnh càng yêu!

Vào đầu thế kỷ này, thi sĩ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu là một nhà thơ nổi tiếng về tính ngông ở giữa

hai thế hệ cũ và mới. Thi sĩ viết văn, làm thơ, làm báo, xem tướng số, khi ở Bắc, lúc vào Nam mà vẫn không khỏi túng quẫn.

Tuy nhiên lúc nào thi sĩ cũng vẫn vui vẻ, giữ được phẩm chất thanh cao. Trong cuốn Thè Non Nước có bài Hát nói “Đời Đáng Chán” do thi sĩ làm ra, lời một quan viên đi hát đàm luận với một cô đào hát về đời người vơ vẩn, không ra làm sao cả, để gợi ra ý đời đáng chán. Đây là một bài Hát nói dôi khổ, trước đây vẫn được các đào nương hay đem ra hát.

ĐỜI ĐÁNG CHÁN

Đời đáng chán hay không đáng chán?
Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm
Giá khuynh thành nhất tiểu thiên kim
Mắt xanh trắng đổi nhầm bao khách tục!
 Giang hà nhật dạ nhân gai trọc
 Thiên địa lô trung thực hữu tình
Đón đưa ai gió lá, chim cành
Ấy nhân thế phù sinh là thế thế!
Khách phù thế chưa dứt câu “phù thế”
Người phong lưu càng đượm vẻ phong lưu
Bức khăn hồng nâng đỡ hạt châu
Chuyện kim cổ một vài câu phải trái
Châu Nam Hải thuyền chìm sông Thúy Ái
Sông Tiền Đường, cỏ áy bến Ô Giang
Ngãm nghìn xưa, ai tài hoa? ai tiết liệt? ai quốc
sắc? ai đài trang?
Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ.
Đời đáng chán, biết thôi là đủ
Sự chán đời, xin nhấp nhủ lại tri âm
Nên chẳng, nghĩ lại kèo lầm.

Hôm nay, trong kho tàng phong phú về Hát nói của những danh sĩ tiền bối VN, chúng tôi chỉ có thể trích ra một số nhỏ để giới thiệu cùng quý vị. Chúng tôi tha thiết mong rằng nghệ thuật ca trù cổ xưa này sẽ không bị mai một. Rồi tình cờ được nghe ca sĩ Kim Dung hát ca trù, chồng đàn, vợ hát, con gõ phách, chúng tôi phấn khởi vô cùng và xin ghi lại qua bài:

NGHE GIỌNG KIM DUNG

Tao nhân, mặc khách
Từng say mê nhịp phách với cung đàn
Để hồn bay theo giọng ngọc lời loan

Cùng Hồ Điệp, Mộng Hoàn hay Bạch Tuyệt.
 Uy Viễn, Tân Đà lời trác tuyệt
 Văn Định, Yên Đổ nét tài hoa
 Chu Mạnh Trinh, Tú Sông Vị đã đi qua
 Giờ nhắc đến chỉ còn là kỷ niệm.
 Bỗng nghe giọng Kim Dung ngọt ngào qua sóng điện
 Cả thời xưa lại hiển hiện tới thời nay
 Ca trù không thuốc mà say?

Bảo Vân

Như ta đã thấy, trong phần II của bài vừa kể trên, có nói rằng ca trù tới 40 lối hát khác nhau, trong đó chỉ có Hát nói là thông dụng và có văn chương lý thú nhất. Chúng tôi xin nêu ra sau đây hai bài ca trù. Một là bài Kể chuyện “Tiễn Chân Anh Khoa” (tác giả là ông Á Nam Trần Tuấn Khải). Hai là bài Hát xẩm nhà trò “Tham Giàu”:

TIỄN CHÂN ANH KHÓA

Này anh Khoa ơi!
 Em tiễn chân Anh ra tận bến tàu,
 Hai tay em nâng gói khăn trầu cầm lấy đưa Anh.
 Tay em cầm trầu mà giọt lệ chảy quanh,
 Mỗi Anh xối một miếng cho bõ chút tình em nhớ thương.
 Ngày anh Khoa ơi!
 Cái bước công danh nó ngoắt ngoéo dù trăm đường,
 Anh đi một bước, tấm can tràng em xé làm đôi.
 Người ta bè bạn vui cười,
 Anh em ta thương nhớ, chỉ ngậm ngùi mà đứng trông nhau.
 Ngày anh Khoa ơi!
 Còi tu tu tàu sắp kéo cầu,
 Đường trần, Anh sắp sửa gánh sầu từ đây.
 Trong Anh, em chẳng nỡ rời tay,
 Nỗi riêng, em xin dặn câu này, Anh chớ có quên:
 Ngày anh Khoa ơi!
 Người ta lầm bạc nhiều tiền,
 Anh em ta phận kém duyên hèn, nên mới phải long đong.
 Một mình Anh, nay Bắc lại mai Đông,
 Biết lấy ai trò chuyện cho khuây lồng lúc sớm khuya?

Này anh Khoa ơi!
 Chữ tương tư vai gánh nặng nè,
 Giang hồ Anh sớm liệu mà về, kéo nứa em mong.
 Anh tính sao cho vẹn cả đôi đằng,
 Ở nhà em quyết một lòng giữ phận thuyền uyên.
 Ngày anh Khoa ơi!
 Còi tu tu, con tàu nó xình xịch sắp chia duyên,
 Thôi Anh ngồi lại, để em bước lên trên mạn bờ.
 Giòng sông nước chảy lờ dờ,
 Dưới sông con tàu chạy, trên bờ em vời trông Anh.
 Ngày anh Khoa ơi!
 Anh ra đi mây nước muôn trùng,
 Em trở về vò vĩnh không một mình.
 Ngoài trông con tàu uốn khúc sông quanh,
 Sóng bao nhiêu nước, giọt lệ tình bấy nhiêu.

Á Nam Trần Tuấn Khải

THAM GIÀU

Tham giàu, em lấy phải thằng bé tí ti.
 Làng trên xã dưới thiểu gì trai to?
 Em trót đem thân cho thằng bé dày vò,
 Mùa đông tháng giá nó nằm co trong lòng.
 Tưởng đến xuân, em bế nó lên,
 Nó bé, nó dại, nó liền ngủ đi.
 Nó ngủ thời nó ngày tì tì,
 Một giếc đèn sáng, còn gì là xuân?
 Chị em ơi, hoa nở mấy lần
 Làm thân con nhện, biết mấy lần vương to
 Em biết rằng đâu trong đục mà chờ
 Hoa thơm mật tuyết, em biết nương nhở vào đâu?
 Số giàu, lấy khó cũng giàu
 Số nghèo, tám chín đụn mươi trâu cũng nghèo.
 Chị em ơi, phải kiếp thời phải theo
 Xin ai chờ quản giàu nghèo làm chi
 Quản tử nhất thi, tiền bần hậu phú, lo gì mà lo!

Hai bài Hát nói trên, cô đâu nào đã ở trong nghề hơn một năm đều có thể hát được cả, nhưng với bài Bòng mạc, Xa mạc thì phải là một tay lão luyện lăm mổi hát nổi, vì trong đó có đủ các thứ giọng như Kể chuyện, Chầu văn, Trống quân, Hát hâm, vv...

□ TRẦN VĂN KHẮC